

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DSST
Ngày: 23-02-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Huy.
2. Ông Nguyễn Văn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Văn H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Đồn Biên phòng V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn:

- Bà **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1967.

- Ông **Hồ Sỹ C**, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã TH, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Sỹ C: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1967. (bà T và ông C vắng mặt)

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh năm 1966. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 7 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/5/2017, bà Nguyễn Kim T và ông Hồ Sỹ C có vay của ông Đỗ Văn H số tiền 50.000.000 đồng, sau đó có trả được số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Đến ngày 10/10/2017, bà Nguyễn Kim T tiếp tục vay của ông H số tiền 130.000.000 đồng. Ông H đã đòi nhiều lần nhưng bà T, ông C không trả cho ông. Nay ông H yêu cầu bà T, ông C cùng trả cho ông H số tiền gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); yêu cầu bà T trả cho ông H số tiền gốc 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), tiền lãi chậm thanh toán trên số nợ gốc 130.000.000 đồng từ ngày 10/10/2017 đến ngày 16/7/2020 là 33 tháng x 0,83%/tháng = 35.607.000 đồng (Ba mươi lăm triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng), đồng thời bà T phải tiếp tục trả tiền lãi chậm trả mức 0,83%/tháng trên số nợ gốc 130.000.000 đồng từ ngày 16/7/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Theo lời khai của bị đơn bà Nguyễn Kim T trình bày:

Bà T thừa nhận ngày 22/5/2017 bà T và ông C có vay của ông H số tiền 50.000.000 đồng, sau đó có trả được cho ông H số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Đến ngày 10/10/2017, bà T tiếp tục vay của ông H số tiền 130.000.000 đồng. Bà có đóng tiền lãi cho ông H trên số tiền 150.000.000 đồng, mỗi tháng 6.000.000 đồng từ ngày 10/10/2017 đến tháng 3/2019 nhưng không có biên nhận, bà đưa tiền lãi cho bà Nguyễn Thị Mỹ T2, địa chỉ: Tổ X, Hẻm Y, khu phố Đ, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang để đóng lãi cho ông H. Nay ông H yêu cầu bà T và ông C cùng trả số tiền gốc 20.000.000 đồng; yêu cầu bà T trả

cho ông H số tiền gốc 130.000.000 đồng, bà T đồng ý trả các khoản nợ gốc cho ông H nhưng xin không trả tiền lãi chậm thanh toán. Nay bà T không có điều kiện trả một lần cho ông H, khả năng của bà T chỉ trả được cho ông H mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/11/2020, bị đơn ông Hồ Sỹ C trình bày như sau:

Ông C là chồng bà Nguyễn Kim T, ông C thừa nhận vào ngày 22/5/2017 có cùng bà T vay của ông H số tiền 50.000.000 đồng. Khoảng hơn một năm sau thì ông C đã trả đủ số tiền trên cho ông H nhưng do tin tưởng với nhau, không có làm biên nhận việc trả tiền. Đối với khoản vay 130.000.000 đồng thì do bà T tự vay và ông C không hay biết nên ông C không chịu trách nhiệm. Vì vậy, việc ông H khởi kiện yêu cầu ông C cùng bà T trả các khoản vay thì ông C không đồng ý. Ông C đã ký văn bản ủy quyền cho vợ là bà Nguyễn Kim T thay mặt ông tham gia tố tụng và quyết định mọi vấn đề liên quan vụ án.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy mượn tiền ngày 22/5/2017 có ký tên Hồ Sỹ C và Nguyễn Kim T (giấy viết tay mực đỏ); 01 giấy mượn tiền ngày 10/10/2017 có ký tên Nguyễn Kim T (viết tay theo mẫu đánh máy bằng mực màu xanh).

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu về việc yêu cầu bà T, ông C cùng trả cho ông H số tiền gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); yêu cầu bà T trả cho ông H số tiền gốc 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), tiền lãi chậm thanh toán trên số nợ gốc 130.000.000 đồng từ ngày 10/10/2017 đến ngày 16/7/2020 là $33 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 35.607.000$ đồng (Ba mươi lăm triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng), đồng thời bà T phải tiếp tục trả tiền lãi chậm trả mức $0,83\%/\text{tháng}$ trên số nợ gốc 130.000.000 đồng từ ngày 16/7/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ

và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; giao gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng các điều 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự, buộc bà T, ông C liên đới trả cho ông H số tiền 20.000.000 đồng; buộc bà T trả cho ông H số tiền gốc 130.000.000 đồng cùng tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Nguyễn Kim T và ông Hồ Sỹ C có nơi cư trú tại ấp T, xã TH, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay còn thiếu. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Kim T và ông Hồ Sỹ C (do bà T làm người đại diện theo ủy quyền) đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Giấy mượn tiền ngày 22/5/2017 có ký tên Hồ Sỹ C và Nguyễn Kim T (giấy viết tay mực đỏ);

01 giấy mượn tiền ngày 10/10/2017 có ký tên Nguyễn Kim T (viết tay theo mẫu đánh máy bằng mực màu xanh) và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa bà Nguyễn Kim T, ông Hồ Sỹ C và ông Đỗ Văn H có xác lập hợp đồng vay tiền, thể hiện bà T, ông C vay của ông H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) vào ngày 22/5/2017, bà T vay của ông H số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) vào ngày 10/10/2017. Việc vay tiền có làm biên nhận, nhưng các bên không thỏa thuận thời gian trả và không thỏa thuận về lãi suất, chỉ khi phát sinh tranh chấp thì các bên mới khai về việc đóng lãi, nhận lãi. Đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, phù hợp quy định tại Điều 463 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Giao dịch dân sự được xác lập giữa các bên có hiệu lực theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 của Bộ luật Dân sự.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn,...”. Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự về lãi suất quy định: “2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Mặc dù các bên đương sự có trình bày việc đóng lãi và nhận lãi, tuy nhiên không xác định rõ lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi cụ thể cũng không thống nhất và không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc giao nhận tiền lãi, không yêu cầu tính lãi, không ai có tranh chấp về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét về phần tiền lãi. Do bà T, ông C vi phạm việc trả nợ, nên ông H yêu cầu bà T, ông C phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Đối với khoản vay ngày 22/5/2017 số tiền 50.000.000 đồng: Ông C khai có vay và chính ông C đã trực tiếp trả đủ số tiền này cho ông H, lúc trả có ông C, bà T, ông H và bà Mỹ T2 chứng kiến, tuy nhiên ông C không có chứng cứ gì chứng minh, trong khi ông H chỉ thừa nhận ông C và bà T chỉ mới trả được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Điều này phù hợp với sự thừa nhận của bà T như nội dung Biên bản đối chất ngày 22/12/2020 tại Tòa án giữa ông H và bà T, lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Mỹ T2 ngày 08/01/2021 như

đã được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Bà T vẫn thừa nhận đối với khoản nợ trên thì hiện nay bà và ông C còn nợ lại số tiền 20.000.000 đồng, vì vậy ông H yêu cầu bà T và ông C liên đới trả số tiền gốc 20.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với khoản vay ngày 10/10/2017, số tiền 130.000.000 đồng: Theo tờ giấy mượn tiền thể hiện chỉ mỗi bà T ký tên vay tiền của ông H. Việc vay tiền này ông C không hay biết và bà T cũng không dùng số tiền vay được phục vụ cho cuộc sống, sinh hoạt gia đình. Điều này các bên đương sự đều thừa nhận và ông H chỉ yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả nợ đối với số tiền 130.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà T chịu trách nhiệm đối với số nợ gốc 130.000.000 đồng để trả cho ông H là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Do bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc nên phải có trách nhiệm trả lãi chậm thanh toán. Xét yêu cầu của ông H về việc yêu cầu bà T phải trả lãi chậm thanh toán trên nợ gốc 130.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 10/10/2017 đến ngày 16/7/2020 là $33 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 35.607.000$ đồng, đồng thời bà T phải tiếp tục trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng trên số nợ gốc 130.000.000 đồng từ ngày 16/7/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận. Tiền lãi chậm thanh toán được tính từ ngày 10/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (23/02/2021) là $40 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 130.000.000 \text{ đồng} = 43.627.454$ đồng. Cộng chung tiền gốc và tiền lãi chậm trả mà bà T phải thanh toán cho ông H là 173.627.454 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng).

[7] Về án phí: Bà T và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền phải thanh toán cho ông H. Đối với số tiền bà T và ông C phải thanh toán là 20.000.000 đồng: $20.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.000.000$ đồng do bà T và ông C phải cùng chịu. Đối với số tiền gốc và lãi bà T phải thanh toán là 173.627.454 đồng: $173.627.454 \text{ đồng} \times 5\% = 8.681.373$ đồng do bà T phải chịu. Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H.

- Buộc bà Nguyễn Kim T và ông Hồ Sỹ C phải liên đới trả số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho ông Đỗ Văn H.

- Buộc bà Nguyễn Kim T phải trả cho ông Đỗ Văn H số tiền 173.627.454 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng), trong đó tiền gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 10/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (23/02/2021) là 43.627.454 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Kim T và ông Hồ Sỹ C phải cùng chịu án phí số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Buộc bà Nguyễn Kim T phải chịu án phí số tiền 8.681.373đ (Tám triệu sáu trăm tám mươi một nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng).

- Trả lại cho ông Đỗ Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.640.175đ (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003733 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDs Tp. H;
- Những người TGT,
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Chí Dũng